

**ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN NĂM CUỐI
NGÀNH Y KHOA VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY LÂM SÀNG**

*Nguyễn Thị Ngọc Trúc, Âu Thị Phương Dung, Lê Phan Hoàng Kha,
Trần Nguyễn Ngọc Thanh, Thái Thị Thu Thảo, Ngô Phương Thảo,
Phạm Trương Yến Nhi, Trần Văn Đệ, Phạm Kiều Anh Thơ**

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

**Email: pkatho@ctump.edu.vn*

Ngày nhận bài: 25/11/2023

Ngày phản biện: 17/02/2024

Ngày duyệt đăng: 26/02/2024

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Hoạt động giảng dạy lâm sàng là điều kiện tiên quyết giúp sinh viên Y khoa phát triển toàn diện, học tập được nhiều kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm lâm sàng. **Mục tiêu nghiên cứu:** Khảo sát tỷ lệ hài lòng của sinh viên năm cuối ngành y khoa về nội dung lâm sàng, môi trường học tập và sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên của sinh viên năm cuối ngành Y khoa về hoạt động giảng dạy lâm sàng tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích trên 385 sinh viên năm cuối ngành Y khoa, hệ chính quy khóa 43 và liên thông khóa 33, năm học 2022 - 2023, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Kết quả:** Về nội dung lâm sàng, giảng dạy lý thuyết trong kỳ lâm sàng chiếm tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý cao nhất với 252 sinh viên (65,5%). Về môi trường học tập, tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý cao nhất là việc chăm sóc và điều trị bệnh nhân được cá nhân hóa với 258 sinh viên (67%). Về tương tác giữa giảng viên và sinh viên, có sự tương tác giữa giảng viên hướng dẫn với sinh viên có tỉ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý cao nhất với 262 sinh viên (68,5%). **Kết luận:** Tỷ lệ hài lòng của sinh viên năm cuối ngành y khoa về hoạt động giảng dạy lâm sàng cao. Kết quả này cần được tiếp tục duy trì và cải tiến giúp sinh viên phát triển toàn diện về kiến thức và kỹ năng lâm sàng, nâng cao chất lượng đầu ra.

Từ khóa: Sinh viên y khoa năm cuối, hài lòng, hoạt động giảng dạy lâm sàng.

ABSTRACT

**EVALUATING FINAL-YEAR MEDICAL STUDENTS' SATISFACTION
WITH CLINICAL TEACHING ACTIVITIES**

*Nguyen Thi Ngoc Truc, Au Thi Phuong Dung, Le Phan Hoang Kha,
Tran Nguyen Ngoc Thanh, Thai Thi Thu Thao, Ngo Phuong Thao
Pham Truong Yen Nhi, Tran Van De, Pham Kieu Anh Tho**

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Clinical teaching activities are a prerequisite for comprehensive development in medical students, enabling them to acquire extensive knowledge, skills, and clinical experience. **Objectives:** To determine the satisfaction rate of final-year medical students with the clinical content, learning environment, and interaction between faculty and students in clinical teaching activities at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. Can Tho University of Medicine and Pharmacy offer clinical education. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted, analyzing data from 385 final-year medical students from the 43rd and 33rd cohorts in the academic year 2022-2023 at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. **Results:** Regarding clinical content, theoretical teaching during clinical rotations had the highest satisfaction rate, with 252 students (65.5% at agree and strongly agree on levels). Regarding the learning environment, the highest satisfaction rate was found in personalized patient care and treatment, with 258 students

(67% at agree and strongly agree levels). Regarding the interaction between teachers and students, the highest satisfaction rate was observed in the interaction between guiding teachers and students, with 262 students (68.5% at agree and strongly agree levels). **Conclusion:** The satisfaction rate of final-year medical students with clinical teaching activities is high. It is essential to sustain and improve these results to support students' comprehensive development in knowledge and clinical skills, ultimately enhancing the quality of graduates.

Keywords: Final-year medical students, satisfaction, clinical teaching activities.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc học tập và thực hành lâm sàng đóng vai trò quan trọng đối với sinh viên Y khoa, sinh viên (SV) dành khoảng một nửa thời gian học tập của mình để thực tập ở bệnh viện [1]. Trong quá trình học lâm sàng sinh viên được tiếp cận với các bệnh thực tiễn, các tình huống lâm sàng đa dạng, từ đó vận dụng kiến thức đã học vào thực tế lâm sàng, giúp sinh viên hiểu sâu, ghi nhớ tốt và mở rộng vốn kiến thức của mình. Vì vậy, hoạt động giảng dạy lâm sàng là điều kiện tiên quyết giúp sinh viên Y khoa phát triển toàn diện, bổ sung vốn kiến thức, cải thiện kỹ năng và nâng cao kinh nghiệm lâm sàng. Sinh viên Y khoa năm cuối đã trải qua nhiều năm học tập và thực hành lâm sàng tại các bệnh viện trước khi bắt đầu trở thành một bác sĩ. Vì vậy, phản hồi về sự hài lòng của sinh viên Y khoa năm cuối liên quan đến đào tạo lâm sàng là rất quan trọng để liên tục cải tiến hoạt động đào tạo và chương trình đào tạo [2]. Sự tác động qua lại giữa các yếu tố này đã được phân tích để giải thích các ảnh hưởng và mối quan hệ xã hội trong thực hành lâm sàng. Đề tài này cho phép ta hiểu rõ hơn các ảnh hưởng từ yếu tố môi trường đến hiệu quả thực hành lâm sàng, dưới sự quản lý, kiểm soát và hỗ trợ từ nhà trường và bệnh viện nơi sinh viên được thực tập [3]. Việc triển khai phương pháp giảng dạy lâm sàng này đã được biết đến và hiệu quả của nó mang lại vô cùng to lớn nhưng vẫn rất cần được đánh giá về sự phù hợp trong điều kiện thực tế ở Việt Nam. Để có cái nhìn toàn diện về việc triển khai phương pháp giảng dạy này, việc khảo sát sự hài lòng sinh viên là rất cần thiết [4]. Tuy nhiên, ở Việt Nam nghiên cứu về sự hài lòng của sinh viên Y khoa về hoạt động học tập lâm sàng còn hạn chế. Chính vì vậy, nghiên cứu “Đánh giá sự hài lòng của sinh viên năm cuối ngành Y khoa về hoạt động giảng dạy lâm sàng” được thực hiện với mục tiêu đánh giá sự hài lòng của sinh viên năm cuối ngành y khoa về hoạt động giảng dạy lâm sàng tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên năm cuối ngành Y khoa Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Sinh viên năm cuối ngành Y khoa, hệ chính quy khóa 43 và liên thông khóa 33, năm học 2022 - 2023, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên không đồng ý tham gia khảo sát.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang có phân tích.

- **Cỡ mẫu:** Sử dụng công thức ước lượng một tỷ lệ: $n = Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \times \frac{p(1-p)}{d^2}$

Trong đó: n: Cỡ mẫu, Z: Trị số tra từ phân phối chuẩn (1,96),

α : Xác suất sai lầm loại 1

p: Chúng tôi giả sử p = 0,5, khi đó cỡ mẫu sẽ đạt tối đa

d: Độ sai số cho phép (d = 0,05).

Dựa vào công thức phía trên, chúng tôi có cỡ mẫu cần nghiên cứu là 385.

- **Phương pháp chọn mẫu nghiên cứu:** Chọn mẫu thuận tiện, mẫu được thu thập sử dụng google form.

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ Đặc điểm về đối tượng nghiên cứu: Khóa học, năm sinh, giới tính, kết quả học tập kỳ trước, bệnh viện và bộ môn đang thực tập, số thành viên trong nhóm thực tập lâm sàng và thời gian của kỳ thực tập lâm sàng.

+ Khảo sát sự hài lòng của sinh viên năm cuối ngành y khoa về hoạt động giảng dạy lâm sàng, về các khía cạnh hài lòng: nội dung lâm sàng (8 câu hỏi), môi trường học tập (13 câu hỏi), sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên (7 câu hỏi). Mỗi câu được đánh giá theo thang đánh giá Likert 5 điểm (từ 1- hoàn toàn không đồng ý đến 5- hoàn toàn đồng ý). Bảng hỏi được xây dựng dựa trên tham khảo nghiên cứu trước đây [5],[6].

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Xử lý và phân tích số liệu bằng phần mềm thống kê SPSS 20.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ	Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ
Năm sinh	24 tuổi	280	72,7%	Hệ đào tạo	Chính quy	Năm sinh	24 tuổi
	> 24 tuổi	105	27,3%		Liên thông		> 24 tuổi
Giới tính	Nam	164	42,6%	Bệnh viện thực tập	Tại TP. Cần Thơ	Giới tính	Nam
	Nữ	221	57,4%		Tại tỉnh		Nữ
Kết quả học tập kỳ trước đó	Xuất sắc	48	12,5%	Khoa thực tập hiện tại	Nội	92	23,9%
	Giỏi	109	28,3%		Ngoại	86	22,3%
	Khá	173	44,9%		Sản	76	19,7%
	Trung bình	55	14,3%		Nhi	129	33,5%
Số lần gặp giảng viên trong suốt kì lâm sàng	≥ 4 lần	271	70,4%	Khác	2	0,5%	
	3 lần	37	9,6%	Giảng viên hướng dẫn quản lý sinh viên	Theo thời khóa biểu đã lập	270	70,1%
	1-2 lần	64	16,6%		Không có thời khóa biểu cố định	100	26%
	Không gặp	13	3,4%		Tùy thuộc vào nơi làm việc	15	3,9%

Nhận xét: Trong 385 đối tượng nghiên cứu, có 280 SV 24 tuổi (72,7%), nữ giới là 221 SV (57,4%), hệ đào tạo chính quy là 358 SV (93%), kết quả học chiếm tỷ lệ cao nhất là khá 173 (44,9%), ít nhất là xuất sắc 48 (12,5%). Có 282 SV (73,2%) thực tập tại thành phố Cần thơ, tại tỉnh là 103 SV (26,8%), khoa thực tập có tỷ lệ cao nhất là khoa Nhi 129 SV (33,5%), (TP. Cần Thơ) kế đến là khoa nội là 92 SV (23,9%), khoa Ngoại là 86 SV (22,3%), khoa Sản là 76 SV (19,7%) và ít nhất là khoa khác 2 SV (0,5%). Trong quá trình thực tập lâm sàng, có 271 (70,4%) SV gặp giảng viên thường xuyên trong suốt kì lâm sàng và giảng viên hướng dẫn quản lý sinh viên theo thời khóa biểu đã lập có 270 SV (70,1%).

3.2. Sự hài lòng về hoạt động giảng dạy lâm sàng

Bảng 2. Sự hài lòng của sinh viên về nội dung lâm sàng

Nội dung lâm sàng	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Chương trình thực hành lâm sàng	19 (4,9%)	26 (6,8%)	94 (24,4%)	202 (52,5%)	44 (11,4%)
Chương trình giáo dục y khoa trong kỳ thực tập lâm sàng vừa rồi	20 (5,2%)	28 (7,3%)	116 (30,1%)	161 (41,8%)	60 (15,6%)
Chương trình lâm sàng của tôi rất thú vị	19 (4,9%)	32 (8,3%)	126 (32,7%)	158 (41,0%)	50 (13,0%)
Giảng dạy bệnh đầu giường.	19 (4,9%)	27 (7,0%)	110 (28,6%)	170 (44,2%)	59 (15,3%)
Giảng dạy lý thuyết (trình và sửa bệnh án) trong kỳ lâm sàng	18 (4,7%)	20 (5,2%)	95 (24,7%)	184 (47,8%)	68 (17,7%)
Các tình huống để học tập đa dạng về mặt nội dung	17 (4,4%)	24 (6,2%)	102 (26,5%)	175 (45,5%)	67 (17,4%)
Tình huống lâm sàng tại khoa đầy đủ và giúp ích cho mục tiêu học tập	16 (4,2%)	20 (5,2%)	107 (27,8%)	176 (45,7%)	66 (17,1%)
Sự hướng dẫn từ trưởng khoa có thể xem là một tình huống học tập	19 (4,9%)	27 (7,0%)	107 (27,8%)	170 (44,2%)	62 (16,1%)

Nhận xét: Giảng dạy lý thuyết trong kỳ lâm sàng chiếm tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý cao nhất với 252 SV (65.5%).

Bảng 3. Sự hài lòng của sinh viên về môi trường học tập

Môi trường học tập	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Hồ sơ ghi nhận quá trình chăm sóc bệnh nhân rõ ràng (bệnh án và các quy trình y khoa khác,...)	17 (4,4%)	29 (7,5%)	109 (28,3%)	194 (50,4%)	36 (9,4%)
Việc chăm sóc và điều trị bệnh nhân được cá nhân hóa	16 (4,2%)	19 (4,9%)	92 (23,9%)	203 (52,7%)	55 (14,3%)
Khoa thực tập lâm sàng có nhiệm vụ cụ thể và mục tiêu rõ ràng đối với việc chăm sóc bệnh nhân	15 (3,9%)	24 (6,2%)	103 (26,8%)	189 (49,1%)	54 (14%)
Khoa thực tập có thể được xem là một môi trường thực hành lâm sàng tốt	17 (4,4%)	18 (4,7%)	93 (24,2%)	195 (50,6%)	62 (16,1%)
Không khí tích cực tại khoa thực tập	20 (5,2%)	43 (11,2%)	117 (30,4%)	155 (40,3%)	50 (13,0%)
Giảng viên lâm sàng cố gắng rất nhiều để tạo điều kiện cho sinh viên học tập	17 (4,4%)	14 (3,6%)	102 (26,5%)	183 (47,5%)	69 (17,9%)
Giảng viên hướng dẫn có thái độ tích cực về quản lý thực hành lâm sàng	16 (4,2%)	23 (6,0%)	89 (23,1%)	190 (49,4%)	67 (17,4%)
Trưởng khoa tại khoa thực tập lâm sàng cũng là một thành viên hỗ trợ giảng dạy	15 (3,9%)	31 (8,1%)	93 (24,2%)	178 (46,2%)	68 (17,7%)
Sự hướng dẫn và quản lý dựa trên bình đẳng và nâng cao việc học cá nhân của SV	17 (4,4%)	25 (6,5%)	105 (27,3%)	175 (45,5%)	63 (16,4%)

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 71/2024

Môi trường học tập	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
SV dễ dàng tiếp xúc được với nhân viên y tế tại nơi thực tập	17 (4,4%)	25 (6,5%)	97 (25,2%)	178 (46,2%)	68 (17,7%)
Trong các buổi họp/giao ban với nhân viên khoa sinh viên cảm thấy thoải mái khi tham gia vào thảo luận	27 (7,0%)	42 (10,9%)	111 (28,8%)	154 (40,0%)	51 (13,2%)
Sự nỗ lực và tích cực của từng SV được ghi nhận và đánh giá	24 (6,2%)	33 (8,6%)	110 (28,6%)	156 (40,5%)	62 (16,1%)
SV cảm thấy mỗi buổi thực tập lâm sàng đều ý nghĩa	19 (4,9%)	21 (5,5%)	110 (28,6%)	171 (44,4%)	64 (16,6%)

Nhận xét: Việc chăm sóc và điều trị bệnh nhân được cá nhân hóa có tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý cao nhất với 258 SV (67%).

Bảng 4. Sự hài lòng của sinh viên về tương tác giữa giảng viên và sinh viên

Tương tác giữa giảng viên và sinh viên	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Mối quan hệ giữa giảng viên hướng dẫn và SV dựa trên sự tin tưởng là chủ yếu	15 (3,9%)	14 (3,6%)	110 (28,6%)	195 (50,6%)	51 (13,2%)
Mối quan hệ giữa giảng viên hướng dẫn và SV dựa trên sự tôn trọng là chủ yếu	15 (3,9%)	20 (5,2%)	101 (26,2%)	179 (46,5%)	70 (18,2%)
Bác sĩ/ điều dưỡng khoa giao tiếp với sinh viên bằng tên	17 (4,4%)	33 (8,6%)	118 (30,6%)	164 (42,6%)	53 (13,8%)
Có sự tương tác giữa giảng viên hướng dẫn với SV	14 (3,6%)	20 (5,2%)	87 (22,6%)	198 (51,4%)	66 (17,1%)
Việc cập nhật thông tin liên quan đến chăm sóc bệnh nhân là dễ dàng (các cuộc trao đổi thông tin, truyền tải kiến thức về môi trường hợp ca bệnh giữa các SV với nhau hay SV với bác sĩ khoa/ giảng viên)	16 (4,2%)	19 (4,9%)	92 (23,9%)	194 (50,4%)	64 (16,6%)
Giảng viên lâm sàng có sự trao đổi và góp ý, giảng dạy riêng với các sinh viên	16 (4,2%)	19 (4,9%)	99 (25,7%)	190 (49,4%)	61 (15,8%)
Bác sĩ/điều dưỡng khoa thường chú ý quan tâm, lắng nghe sinh viên	23 (6,0%)	36 (9,4%)	109 (28,3%)	164 (42,6%)	53 (13,8%)

Nhận xét: Có sự tương tác giữa giảng viên hướng dẫn với sinh viên có tỉ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý cao nhất với 262 SV (68,5%), bác sĩ/điều dưỡng khoa thường chú ý quan tâm, lắng nghe sinh viên có tỉ lệ không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý chiếm tỉ lệ cao với 59 SV (15,4%).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Trong tổng số 385 đối tượng tham gia nghiên cứu, SV năm cuối chính quy khóa 43 chiếm số lượng đa số (93%). Trong tổng số SV, tỷ lệ nữ tham gia nghiên cứu là 57,4% (n=221), tỷ số nam/nữ = 1/1,35. Nhìn chung SV năm cuối chính quy chiếm số lượng đa số không khác biệt nhiều về giới tính. Về bệnh viện thực tập, số lượng SV thực tập các bệnh viện tại TP. Cần Thơ chiếm đa số 282 (73,2%). Trong đó, số lượng SV thực tập tại khoa Nhi chiếm số lượng nhiều nhất 129 (33,5%). Nhìn chung số lượng SV thực tập tại TP. Cần

Thơ chiếm đa số, số lượng SV giữa các khoa thực tập có sự chênh lệch về số lượng nhưng không nhiều. Kết quả học tập SV ở học kỳ trước đó chiếm số lượng nhiều nhất là SV có xếp loại khá 173 (44,9%). SV khi thực tập tại các khoa lâm sàng đều được gặp giảng viên thường xuyên, được hướng dẫn quản lý với thời khóa biểu đã được lập rõ ràng và có một kế hoạch học tập cụ thể. Điều này cho thấy sinh viên đi thực tập lâm sàng tại bệnh viện có sự quan tâm và hướng dẫn của giảng viên.

4.2. Sự hài lòng về hoạt động giảng dạy lâm sàng

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy mức độ hài lòng của SV đối với nội dung lâm sàng là 336 (87%) kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Vahid Ziaee và cộng sự (70,8%) [1]. Tinh hưởng lâm sàng tại khoa thực tập đầy đủ và giúp ích cho mục tiêu học tập nhận được sự hài lòng cao nhất trong các nội dung lâm sàng của SV (90,6%) do sinh viên có cơ hội thực tập tại các bệnh viện lớn trong địa bàn TP. Cần Thơ nên các mặt bệnh khá đa dạng. Các hoạt động giảng dạy trên lâm sàng bao gồm giảng dạy bệnh đầu giường, trình và sửa bệnh án đều nhận được mức hài lòng >85%, tuy nhiên vẫn còn một số SV chưa hài lòng do số lượng SV đông nhưng giảng viên hướng dẫn ít nên không thể theo dõi và hướng dẫn cho từng SV.

Mức độ hài lòng của SV đối với môi trường lâm sàng là 328 (85%) kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Eva Öhman và cộng sự (2016) [7] và cao hơn nghiên cứu của Musabyimana Catherine (73%) [8]. SV cảm thấy mỗi buổi lâm sàng đều ý nghĩa được phản ánh qua mức độ hài lòng của SV là 89,6%. Hồ sơ bệnh án quá trình chăm sóc bệnh nhân được đánh giá là ghi nhận rõ ràng và đúng các quy trình y khoa kết hợp với việc chăm sóc và điều trị bệnh nhân được cá nhân hóa giúp SV theo dõi diễn tiến của từng bệnh một cách dễ dàng. Sự nỗ lực và tích cực của từng SV đều được ghi nhận và đánh giá một cách rõ ràng giúp SV nhận biết được những điều mình còn thiếu để bổ sung thêm. Trong nghiên cứu của Youngsoon Park, Kyunghye Chun, Mihye Kwon có nhắc đến môi trường lâm sàng là yếu tố quan trọng để SV áp dụng những kiến thức được học trên giảng đường vào thực tế để nâng cao năng lực cá nhân [9]. Sự hài lòng của SV đối với hoạt động kiểm tra đánh giá nhận được sự hài lòng cao nhất 347 (90%). Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Melaku Hailu Temesgen là có 38,7% sinh viên cho biết hài lòng với “các phương pháp đánh giá sinh viên” [10].

Nghiên cứu đã của chúng tôi khảo sát trên đối tượng SV năm cuối ngành Y khoa của trường Đại học Y Dược Cần Thơ, đảm bảo tính khách quan, khoa học, thang đo sự hài lòng Likert 5 được chuẩn hóa để phù hợp với việc đánh giá mức độ hài lòng của SV đối với hoạt động giảng dạy lâm sàng. Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ ở mức mô tả tỷ lệ cần có thêm các phân tích thống kê tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến mức độ hài lòng của SV, nhóm nghiên cứu sẽ tiếp tục phân tích và cung cấp thông tin ở phần khác. Bên cạnh đó, cỡ mẫu nghiên cứu còn khiêm tốn chưa bao phủ được hết toàn bộ SV và chưa có nghiên cứu đối sánh đồng thời trên nhiều cơ sở giáo dục đồng cấp.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ hài lòng của sinh viên năm cuối ngành y khoa về hoạt động giảng dạy lâm sàng cao. Trong đó, đặc điểm kiểm tra đánh giá có tỷ lệ hài lòng cao nhất, môi trường học tập chiếm tỷ lệ hài lòng thấp nhất. Kết quả nghiên cứu là cơ sở cải tiến chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy một cách liên tục, cải thiện các yếu tố liên quan ảnh hưởng đến

sự hài lòng của sinh viên trong thực hành lâm sàng, giúp sinh viên học tập hiệu quả, phát triển toàn diện về kiến thức và kỹ năng lâm sàng, nâng cao chất lượng đầu ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ziaee, Vahid; Ahmadinejad, Zahra; Morravedji, Ali Reza. An evaluation on medical students' satisfaction with clinical education and its effective factors. *Medical Education Online*. 2004. 9(1), doi: 10.3402/meo.v9i.4365.
 2. Ngô Thị Dung, Nguyễn Thị Thanh Trúc, Bùi Thị Thanh Thảo, Lê Thị Thùy, Nguyễn Thị Thùy Trang và Nguyễn Bách Xuyên. Khảo sát môi trường thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học y dược Cần Thơ. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2021. (39), 98-105.
 3. Huynh, Hong T. P.; WINDSOR, Carol. The Concepts of Social Space and Social Value: An Interpretation of Clinical Nursing Practice in Vietnam. *Global Qualitative Nursing Research*. 2022. 9, <https://doi.org/10.1177/23333936211070267>.
 4. Mai, T. Y., Nguyễn, T. T. H., Vũ, T. M. P., Đặng, T. H., & Trần, T. T. M.. Một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng sau học thực hành mô phỏng tại Trung tâm thực hành Tiên lâm sàng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. *Tạp Chí Khoa học Điều dưỡng*. 2020. 3(1), 05–12.
 5. Serwah, A. A., et al. Assessment of the level of satisfaction of final year's medical students with the clinical training at taif teaching hospitals, KSA. *J Contemp Med Edu*. 2015. 3(2), 64-71.
 6. Truong, Thi Hue. Vietnamese nursing students' perceptions of their clinical learning environment: A cross-sectional survey. Queensland University of Technology. 2015.
 7. Öhman, Eva, et al. Adaptation and validation of the instrument clinical learning environment and supervision for medical students in primary health care. *BMC Medical Education*. 2016. 16(1), 1-8, doi: 10.1186/s12909-016-0809-8.
 8. Temesgen, M. H., Girma, Y., Dugo, T., Azeze, G., Dejen, M., Deres, M., & Janakiraman, B.. Factors influencing student's satisfaction in the physiotherapy education program. *Advances in Medical Education and Practice*. 2021. 9(12), 133-140, doi: 10.2147/AMEP.S289134.
 9. Park, Y., Chun, K., & Kwon, M.. Mediation effects of clinical practice stress between clinical education environment and satisfaction with clinical practice. *Korean Journal of Medical Education*. 2021. 33(1), 27-36. doi: 10.3946/kjme.2021.184.
 10. Van Der Zwet, J., et al. Workplace learning in general practice: supervision, patient mix and independence emerge from the black box once again. *Medical teacher*. 2010. 32(7), e294-e299, doi: 10.3109/0142159X.2010.489128.
-